

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất và ngân hàng với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

FRT, HBC

[Cập nhật công ty]

VIB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh.

26/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,282.21	+1.13
VN30	1,286.23	+1.28
HĐTL VN30F1M	1,285.00	+1.27
HNXIndex	242.03	+0.51
HNX30	532.84	+0.75
UPCoM	91.20	+0.12
USD/VND	24,777	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.56	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.30	+20
Dầu (WTI, \$)	81.90	-0.06
Vàng (LME, \$)	2,177.59	+0.27



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,282.21 (+1.13%)
KLGD (triệu CP) 858.4 (-21.8%)
GTGD (triệu US\$) 883.5 (-25.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu nhựa - hóa chất và ngân hàng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 175.45 tỷ đồng, tập trung tại VND (-2.09%), MWG (+0.72%), STB (+0.49%).

HNXIndex 242.03 (+0.51%)
KLGD (triệu CP) 83.2 (-36.7%)
GTGD (triệu US\$) 67.5 (-41.4%)

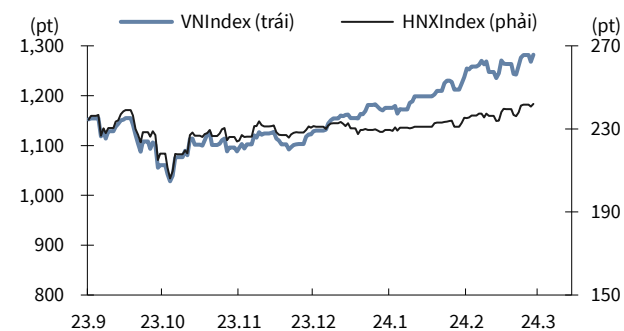
Kết phiên ngày 26/03, giá dầu Brent tăng 0.37% lên 85.14 USD/thùng, giá dầu thô WTI tăng 0.36% lên 80.92 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở PVD (+2.99%), BSR (+1.04%).

UPCoM 91.20 (+0.12%)
KLGD (triệu CP) 31.0 (-23.1%)
GTGD (triệu US\$) 16.5 (-18.5%)

Theo Cục Xuất nhập khẩu, từ đầu tháng 3, giá cao su tại các sàn châu Á liên tục tăng mạnh, chạm mức cao kỷ lục trong hàng thập kỷ và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Cổ phiếu ngành cao su tăng giá ở DPR (+7%), GVR (+6.27%).

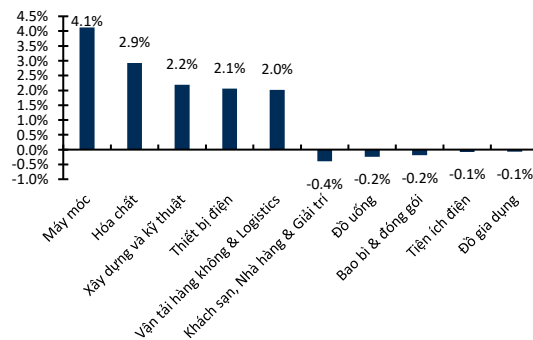
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -8.7

VNIndex & HNXIndex



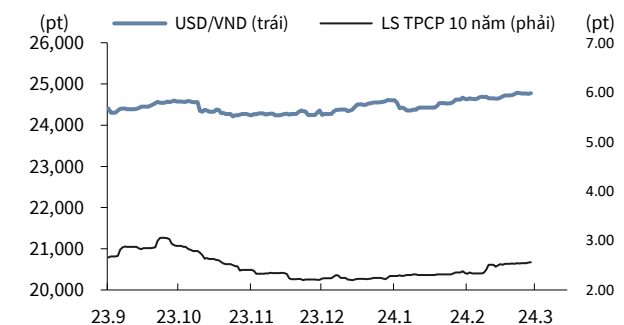
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



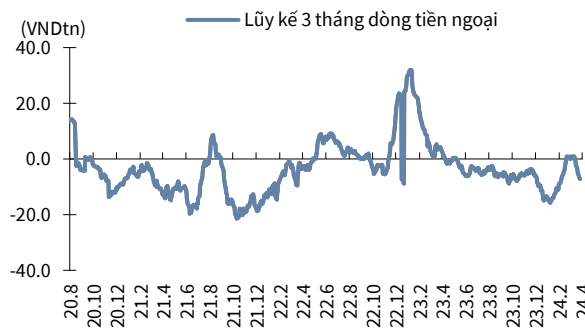
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

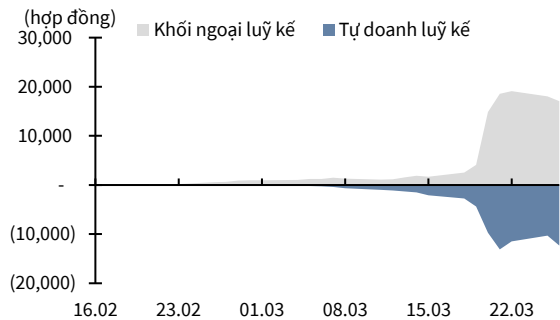
VN30	1,286.23 (+1.28%)
VN30F1M	1,285.0 (+1.27%)
Mở cửa	1,268.0
Cao nhất	1,290.9
Thấp nhất	1,265.5

KLGD (HĐ) **211,418 (-6.7%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 mở cửa đạt mức thấp nhất tại -3.4 điểm, sau đó biến động quanh mức 0 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.23 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

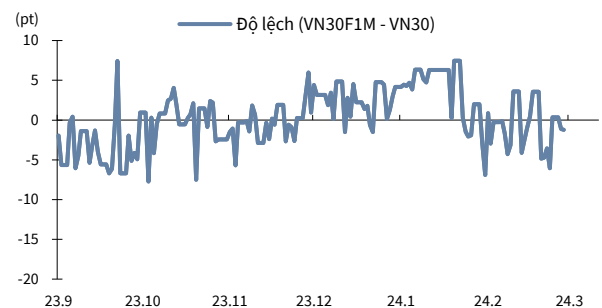
Khối ngoại bán ròng 1,036 HĐTL VN30F2404 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,038 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,981 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 12,300 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



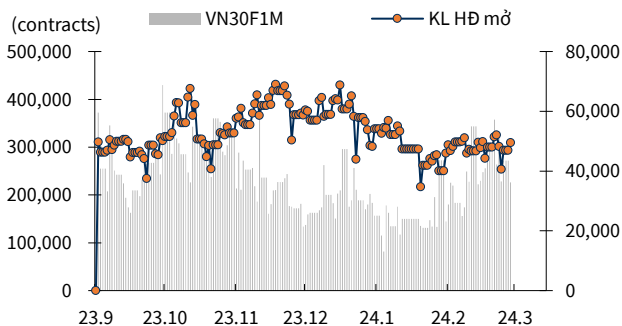
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



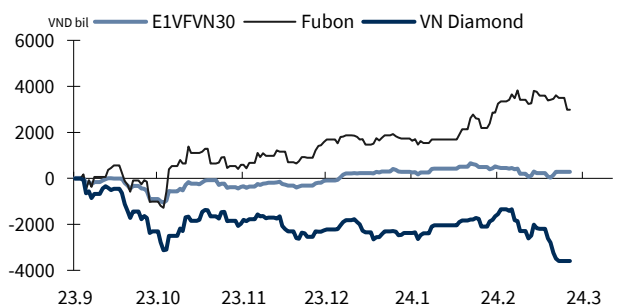
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

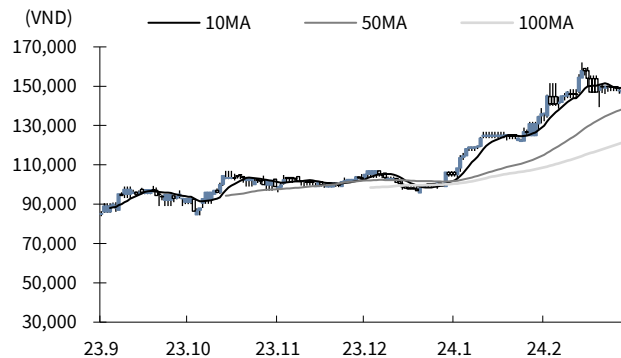
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

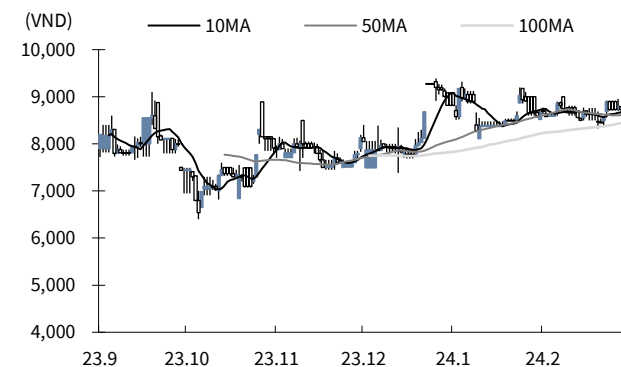
CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FRT giảm 0.07% xuống 147,900 VND/cp
- Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đặt mục tiêu doanh thu 2024 cao kỷ lục 37,300 tỷ đồng, tăng 17% YoY. Chỉ tiêu lợi nhuận 125 tỷ đồng, cải thiện mạnh so với kết quả lỗ năm ngoái. Bên cạnh đó, FRT đặt mục tiêu sẽ mở mới thêm 400 cửa hàng Long Châu trong năm nay để đưa tổng số lên khoảng 1,900 điểm bán; đồng thời dự kiến phát triển 100 trung tâm vắc xin mới để hình thành hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe.

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 0.8% xuống 8,730 VND/cp
- Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình đã chấp thuận việc chuyển nhượng 100% vốn góp của tại Công ty TNHH MTV Máy Xây dựng Matec cho nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính, với giá trị chuyển nhượng tốt nhất. Lãnh đạo Hòa Bình khi đó thông tin nếu hoàn tất thương vụ chuyển nhượng sẽ bổ sung hơn 1,100 tỷ đồng nguồn vốn vào các hoạt động kinh doanh. Các bất động sản của Matec mua từ nhiều năm trước cũng được định giá lại theo chuẩn mực kế toán quốc tế, sẽ làm tăng thêm vốn chủ sở hữu.

NH TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)

Sẵn sàng hồi phục trở lại

25/03/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

Chuyển hướng sang phân khúc bán lẻ mang lại tỷ suất sinh lời cao đầu ngành trong những năm trở lại đây

Sự chuyển hướng sang cho vay bán lẻ giúp VIB luôn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng ở hầu hết các chỉ số tài chính từ 2017-2023, LNTT tăng trưởng CAGR 50%, tỷ lệ ROE, ROA duy trì ở mức cao nhất ngành (lần lượt 27% và 2.4%). Chúng tôi đánh giá các sản phẩm chủ đạo ở phân khúc bán lẻ (vay mua nhà, vay hộ kinh doanh, vay mua xe) sẽ còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn và là động lực chính thúc đẩy lợi nhuận.

Cơ cấu nguồn huy động đa dạng mang lại những lợi thế cho ngân hàng

VIB tận dụng thế mạnh huy động vốn từ các TCTD nước ngoài với chi phí rẻ hơn huy động trong nước. KBSV đánh giá cơ cấu vốn huy động hiện tại tương đối hợp lý giúp VIB (1) kiểm soát chi phí vốn (CoF) để duy trì NIM ở mức cao; (2) phù hợp về kỳ hạn giữa huy động với cho vay (Maturity matching).

Triển vọng vĩ mô ổn định giúp cải thiện chất lượng tài sản trong năm 2024

Giai đoạn khó khăn nhất đã đi qua, chúng tôi kỳ vọng chất lượng tài sản sẽ được cải thiện trong năm 2024 dựa trên (1) kịch bản cơ sở dự báo nền kinh tế và thị trường BĐS hồi phục dần dần; (2) mặt bằng lãi suất trung tính hơn tạo điều kiện cho khách tất toán các khoản nợ đúng hạn; (3) VIB thắt chặt hơn trong chính sách cho vay giúp kìm hãm tốc độ tăng của tỷ lệ hình thành nợ xấu mới; (4) ngân hàng đang đẩy mạnh xử lý và thu hồi sản phẩm cho vay mua xe (phân khúc có NPL cao).

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 27,900 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi điều chỉnh mức giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu VIB là 27,900 VND/cp, cao hơn 16% so với giá tại ngày 22/03/2024. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu VIB.

MUA Lần đầu

Giá mục tiêu	VND 27,900
Tăng/giảm	16%
Giá hiện tại (22/03/2024)	24,200
Giá mục tiêu đồng thuận	23,600
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD)	50/2.05

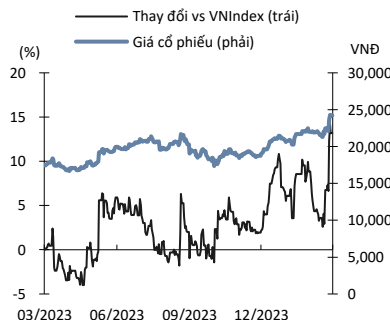
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	69.4/2.8
Sở hữu nước ngoài (%)	20.5%
Commonwealth Bank of Australia	20%

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	10	29	19	39
Tương đối	4	11	11	13

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VNĐ)	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	14,963	17,361	19,692	23,402
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	11,861	15,550	17,219	19,647
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	8,469	8,562	10,556	13,586
EPS (đồng/cổ phiếu)	4,018	3,375	4,161	5,356
Tăng trưởng EPS (%YoY)	-3%	-16%	23%	29%
PER (x)	11.0	13.0	10.6	8.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,492	14,955	17,993	22,589
PBR (x)	2.84	2.94	2.45	1.95
ROE (%)	29.7%	24.3%	25.3%	26.4%

Nguồn: KBSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến tích cực với các nhịp tăng điểm gổ đầu.
- Chỉ số tăng điểm với mẫu nến thân đặc giúp cho trạng thái thị trường có phần bớt tiêu cực hơn. Tuy nhiên, nhịp tăng lần này không quá thuyết phục khi đi kèm thanh khoản suy yếu và chỉ số có thể gặp áp lực rung lắc trở lại quanh vùng 1300 (+-10). Rủi ro đảo chiều xu hướng vẫn nên được lưu ý nếu chỉ số xuất hiện những phiên bulltrap mạnh hoặc tăng vượt đỉnh nhưng không đi kèm khối lượng giao dịch tăng tương xứng
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1298 – 1302

Kháng cự gần: 1289 – 1292

Hỗ trợ gần: 1277 – 1280

Hỗ trợ xa: 1262 – 1266

- F1 diễn biến tích cực với các nhịp tăng điểm gổ đầu.
- F1 tăng điểm với mẫu nền thân đặc giúp cho trạng thái thị trường có phần bớt tiêu cực hơn. Tuy nhiên, nhịp tăng lần này không quá thuyết phục khi đi kèm thanh khoản suy yếu và chỉ số có thể gặp áp lực rung lắc trở lại quanh vùng 1300 (+10). Rủi ro đảo chiều xu hướng vẫn nên được lưu ý nếu chỉ số xuất hiện những phiên bulltrap mạnh hoặc tăng vượt đỉnh nhưng không đi kèm khối lượng giao dịch tăng tương xứng.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

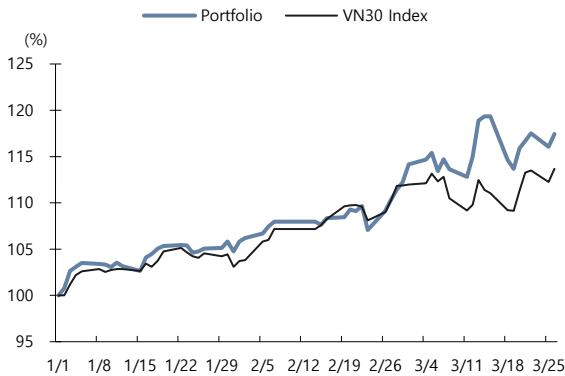
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.28%	1.18%
Tăng lũy kế (YTD)	13.68%	17.44%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	38,000	1.3%	47.6%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	78,900	1.0%	3.3%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	96,300	0.6%	-1.9%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	65,100	0.5%	16.7%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,700	3.0%	18.3%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	21,900	0.9%	8.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	62,000	1.1%	12.9%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,750	0.7%	1.9%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	73,300	1.1%	6.5%	- Mạng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	01/03/2024	97,400	1.5%	7.7%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PDR	1.8%	3.9%	121.5
VPB	3.7%	7.7%	94.4
GEX	2.5%	24.2%	82.2
VIX	3.7%	23.5%	57.9
KDH	4.6%	43.2%	50.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-2.1%	22.0%	-396.3
MWG	0.7%	44.4%	-140.9
VNM	0.6%	52.0%	-56.6
STB	0.5%	24.2%	-46.8
DGW	0.5%	24.3%	-36.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DTD	2.4%	4.0%	5.7
IDC	0.9%	21.0%	1.9
TNG	0.9%	21.9%	1.4
CEO	0.9%	5.3%	1.2
PVI	0.2%	59.4%	0.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.5%	10.5%	-45.0
PVS	0.5%	17.3%	-20.5
MBS	1.0%	0.4%	-8.0
HUT	0.0%	1.8%	-7.2
TA9	5.1%	0.0%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	8.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thiết bị điện	7.8%	GEX, SAM, CAV, RAL
Xây dựng và kỹ thuật	7.6%	DIG, HDG, VCG, PC1
Ngân hàng	4.9%	VCB, BID, VPB, TCB
Chứng khoán	4.7%	SSI, VND, HCM, VCI
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-3.7%	TTF, GDT, EVE, SAV
Tiện ích điện	-1.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Vận tải hàng không & Logistics	-1.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Giấy & lâm sản	-1.2%	DHC, HAP, HHP, VID
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.1%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	20.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hóa chất	18.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	17.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	16.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	14.9%	TNH, JVC, VMD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-2.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng không dân dụng	-1.3%	VJC, HVN
Vật liệu xây dựng	-0.8%	HT1, PTB, GAB, ACC
Sản xuất điện	-0.7%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	195,650 (7.9)	22.5	1,254.7	51.0	14.7	0.0	3.0	1.6	1.5	0.4	0.1	5.5	5.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	366,777 (14.8)	26.6	5.6	5.0	35.9	16.9	15.5	0.9	0.8	0.5	-0.3	-1.4	-1.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	354,393 (14.4)	17.8	14.4	12.7	-7.6	10.9	10.8	1.4	1.3	1.3	-1.3	1.5	13.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	506,048 (20.5)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.9	1.0	0.8	8.2	6.3	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	182,528 (7.4)	11.6	32.3	27.1	13.7	6.8	8.4	2.0	2.0	4.6	5.5	21.6	22.9
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	310,512 (12.6)	13.9	43.2	28.5	-	2.8	4.1	1.3	1.3	0.8	7.3	11.2	2.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	173,878 (7.0)	6.3	15.4	13.8	11.7	19.4	18.3	2.7	2.2	0.6	4.1	7.6	19.9
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	95,121 (3.9)	12.7	14.0	11.5	-5.3	18.3	18.6	2.1	1.8	0.0	2.7	-1.1	22.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	417,989 (16.9)	0.0	7.4	5.9	14.3	16.1	17.0	1.1	0.9	2.6	14.0	11.5	44.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	346,038 (14.0)	1.4	9.2	7.1	50.3	17.2	18.6	1.3	1.1	1.4	5.7	-1.3	29.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	300,592 (12.2)	0.0	11.2	8.3	18.8	11.3	12.8	1.1	1.0	3.7	8.0	1.8	2.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	615,234 (24.9)	0.0	5.8	4.8	14.6	21.3	20.1	1.2	1.1	2.2	8.8	5.2	35.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	149,794 (6.1)	4.2	5.5	4.7	23.3	24.9	23.5	1.2	1.0	2.8	8.3	6.6	19.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	653,357 (26.5)	14.0	6.2	4.1	26.5	19.9	23.3	1.1	0.9	0.5	2.0	1.6	10.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	256,135 (10.4)	0.0	7.2	5.6	37.4	16.2	18.0	1.2	1.0	0.8	5.2	0.0	10.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	283,469 (11.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.1	0.3	2.8	1.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,398 (1.2)	21.0	18.6	15.5	15.8	7.8	9.0	1.4	1.4	0.2	2.1	2.0	8.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,367 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	1.0	4.9	8.6	15.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,092,380 (44.2)	55.4	22.4	18.4	-3.2	11.6	12.4	-	-	1.3	5.1	8.3	15.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	459,000 (18.6)	71.9	32.8	24.3	-4.0	13.4	14.2	3.5	3.4	2.3	4.9	17.7	24.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	305,919 (12.4)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.7	3.3	0.0	19.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	929,634 (37.6)	27.2	20.2	15.2	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-2.1	1.7	3.5	5.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	341,512 (13.8)	42.1	16.9	14.7	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	0.6	-0.1	-4.6	0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	89,072 (3.6)	36.9	17.3	16.2	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	-0.2	0.0	0.5	-9.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	473,801 (19.2)	16.5	48.8	24.6	-51.9	9.3	16.7	3.8	3.3	-2.0	-4.4	10.9	10.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	13,886 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	2.2	0.5	-9.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,730 (2.7)	11.0	32.2	18.8	-88.5	12.5	17.6	-	-	1.2	0.9	-2.5	-5.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	156,250 (6.3)	10.8	23.2	19.3	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	1.0	2.5	6.5	11.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	241,747 (9.8)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	0.3	0.3	4.9	11.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	56,362 (2.3)	48.0	28.3	22.8	26.2	28.1	29.0	6.6	5.5	3.8	14.4	32.2	47.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	579,352 (23.4)	37.7	36.1	17.8	-14.4	7.9	6.7	-	-	2.4	11.3	15.4	6.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	179,574 (7.3)	3.6	23.9	16.1	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	1.1	4.3	11.7	6.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	69,821 (2.8)	0.0	10.6	9.5	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	0.9	3.7	10.3	12.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	121,959 (4.9)	46.1	17.1	15.8	-17.5	16.3	16.4	2.4	2.2	0.4	1.3	5.9	6.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,587 (1.1)	31.4	-	14.8	-10.5	6.3	12.4	1.9	1.9	0.4	-0.4	-3.9	0.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,702 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	-0.7	1.5	-1.1	-7.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	972,188 (39.4)	18.0	13.9	10.1	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	1.2	2.5	6.1	9.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	121,893 (4.9)	36.5	16.7	18.7	-0.5	8.2	7.7	1.3	1.3	2.3	3.4	5.1	8.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	184,410 (7.5)	46.5	11.6	16.0	-4.5	15.6	15.1	1.9	1.8	1.9	3.2	4.3	8.3
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	298,616 (12.1)	38.9	15.3	9.3	67.9	9.3	16.3	1.3	1.2	2.2	5.9	4.7	3.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	40,875 (1.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.3	3.8	-2.2	16.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	55,908 (2.3)	4.6	15.3	14.1	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	1.6	1.5	8.0	10.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	256,667 (10.4)	39.9	18.2	12.5	-11.9	6.4	7.8	1.2	1.1	3.0	4.0	16.4	15.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	131,626 (5.3)	35.9	8.2	7.0	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	1.4	1.6	9.9	9.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	627,224 (25.4)	0.0	23.8	12.5	14.4	9.4	14.4	2.8	2.5	0.7	6.9	9.7	13.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	184,732 (7.5)	0.0	14.9	12.9	2.4	21.5	21.6	2.9	2.5	1.5	0.9	10.1	13.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	20,357 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	-1.0	0.5	-13.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	122,935 (5.0)	30.3	80.0	32.4	-75.2	31.8	31.2	10.7	8.3	-0.1	-1.2	10.0	38.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,628 (2.2)	34.6	22.8	14.6	41.2	11.4	16.7	2.9	2.6	2.6	-0.6	15.1	29.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,668 (0.1)	45.4	15.4	15.3	10.7	19.9	19.2	-	-	0.4	-1.0	7.5	12.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	391,101 (15.8)	0.0	18.8	15.5	15.5	29.3	30.2	5.1	4.3	0.9	2.7	6.5	19.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhthd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.